



BÌNH LUẬN & ĐỀ XUẤT DỰ THẢO #23 LUẬT VIỄN THÔNG

*Người trình bày
Phòng Thương mại Hoa Kỳ tại Việt Nam*

TỔNG QUAN

Việt Nam hiện nay đã thiết lập được một cơ sở hạ tầng và nền tảng phần cứng cho ngành viễn thông. Tuy vậy, cần cải thiện một số lĩnh vực viễn thông quan trọng như phát triển phần mềm, nâng cao năng lực, sở hữu trí tuệ (SHTT) và các vấn đề liên quan đến SHTT, chất lượng dịch vụ, mở cửa ngành viễn thông và nâng cao hiệu quả cạnh tranh ở khắp các lĩnh vực trong ngành. Điều này đòi hỏi phải có những văn bản quy phạm pháp luật minh bạch và công khai.

Ngành Công nghệ thông tin (cả phần cứng và phần mềm), khi kết hợp với mảng công nghệ thông tin của các dịch vụ viễn thông (gọi chung là CNTT&VT), hiện là một trong những ngành có quy mô lớn nhất thế giới và được đặc thù bởi ràng buộc về quyền sở hữu trí tuệ chặt chẽ. Sự tăng vọt của các phân khúc kinh doanh này sẽ còn tiếp diễn, ngay cả trong bối cảnh suy thoái toàn cầu hiện nay, dù với tốc độ chậm hơn.

Trong khuôn khổ ngành công nghiệp viễn thông, các lĩnh vực này đóng một vai trò quan trọng bảo đảm cho Việt Nam duy trì được tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế bền vững thông qua nâng cao hiệu quả và năng suất bằng một số biện pháp như: thực hành tiết kiệm chi phí trong chuỗi cung ứng công nghiệp, tổ chức phổ biến thông tin sâu rộng và ít tốn kém hơn thông qua các chương trình đào tạo và tạo thêm những cơ hội kinh doanh và việc làm nhằm mở rộng dịch vụ giá trị gia tăng trong quản trị thông tin.

Hợp tác đa dạng (nhà nước – tư nhân) là yếu tố then chốt để lồng ghép hiệu quả CNTT&VT vào chức năng quản lý nhà nước về kinh tế. AmCham khuyến nghị Chính phủ Việt Nam tăng cường cộng tác với khu vực tư nhân trong cải cách chính sách và phát huy tối đa tiềm năng của ngành viễn thông trong nâng cao năng suất.

BÌNH LUẬN & ĐỀ XUẤT DỰ THẢO #23 LUẬT VIỄN THÔNG

Các vấn đề về Viễn thông nói chung

a) Chính sách, cơ chế rõ ràng

Luật và các văn bản hướng dẫn luật cần quy định rõ ràng, đưa vào triển khai và thực thi nhằm thu hút đầu tư. Cần nhớ rằng mục đích chính của việc tự do hoá ngành CNTT&VT chính là nhằm cung cấp cho người tiêu dùng cũng như doanh nghiệp những dịch vụ truyền thông đa dạng, hiệu quả và với chi phí thấp hơn. Chính phủ cần xây dựng một 'lộ trình' mở cửa và tiếp tục cải cách, trong đó có tính đến tất cả các đối tượng ở các ngành liên quan thông qua trung cầu ý kiến, hội thảo giữa chính phủ và doanh nghiệp, các kinh nghiệm quốc tế tối ưu và nhiều biện pháp khác với sự tham gia của các đối tượng chính.

b) Luật định cần độc lập và minh bạch

Tính độc lập và minh bạch trong luật là yếu tố thiết yếu để luật có hiệu lực và hơn nữa là để tạo ra một môi trường khuyến khích cạnh tranh và thu hút đầu tư. Đây cũng là những nội dung chính trong Cam kết về Viễn thông trong Hiệp định GATS mà Việt Nam là thành viên. Việc thiêu minh bạch trong quá trình lập pháp là mầm mống của bất ổn, khiến các nhà đầu tư hiện tại rút vốn về nước và làm nản lòng những người đang cân nhắc đầu tư. Yếu tố độc lập và minh bạch của luật pháp cũng là yếu tố quan trọng cho phép các cơ quan luật pháp giám sát môi trường kinh doanh một cách hiệu quả để bảo đảm các đơn vị trong ngành tuân thủ luật pháp và quy chế.

c) Thực thi kịp thời và triệt để các Cam kết và Nguyên tắc WTO

Như đã nêu ở trên, Việt Nam là một nước thành viên trong Cam kết về Viễn thông của Hiệp định GATS. Sự tuân thủ các nguyên tắc trong hiệp định cũng như các cam kết của Việt Nam khi tham gia WTO đóng vai trò quan trọng để thực hiện thành công quá trình tự do hóa ngành dịch vụ viễn thông. Tuy Việt Nam đã và đang đạt được nhiều tiến bộ trong việc thực thi các luật định, quy chế mới phù hợp với các cam kết tham gia WTO nhưng trên thực tiễn cần có những cải cách nhanh chóng, toàn diện ở một cấp độ cao hơn cả tinh thần và lời lẽ của các cam kết.

Bằng việc bổ sung các biện pháp bảo hộ pháp lý trong khuôn khổ WTO thể hiện rõ ý muốn mở cửa thị trường cho cạnh tranh, Việt Nam sẽ củng cố niềm tin và thúc đẩy việc gia nhập thị trường của nhà đầu tư. Đặc biệt, thực tiễn đòi hỏi Chính phủ tiếp tục sửa đổi dự Luật Viễn thông, qua đó xoá bỏ quy định hạn chế theo cam kết tiếp cận thị trường WTO của Việt Nam ấn định tỉ lệ góp vốn tối đa của bên nước ngoài trong liên doanh cung ứng dịch vụ dựa trên hạ tầng mạng có sẵn ở mức 49%. Các cam kết WTO của Việt Nam không quy định xoá bỏ hạn chế này, do đó trên thực tế đã ngăn chặn khả năng đối tác nước ngoài có được quyền kiểm soát liên doanh trong ngành viễn thông đối với các dịch vụ này (quy định hạn chế ghi rõ bên nắm 51% được quyền kiểm soát). Nếu Luật Viễn thông chưa quy định bãi bỏ hạn chế này thì đầu tư nước ngoài trong mảng dịch vụ viễn thông sẽ còn gặp vô vàn trở ngại. Những quy định tương tự cho thấy Chính phủ cần coi các cam kết WTO như một mức sàn chứ không phải mức trần.

Thực tiễn ngành đòi hỏi Chính phủ áp dụng các biện pháp bảo hộ cạnh tranh nhằm ngăn chặn các hành vi chống cạnh tranh trong ngành CNTT&VT, bảo đảm sự liên kết hiệu quả với các nhà cung cấp Phần cứng, Phần mềm CNTT và dịch vụ Viễn thông lớn, đồng thời thực hiện các nghĩa vụ về dịch vụ nói chung một cách minh bạch, không phân biệt và cạnh tranh công bằng.

AmCham đề nghị Chính phủ sử dụng Luật Viễn thông đang hoàn thiện như một phương tiện để xây dựng một nền viễn thông năng động hơn, đặc biệt trong bối cảnh ngành này đang bị chi phối bởi những công nghệ tích hợp ảnh hưởng nhiều đến phương thức truyền tải tiếng nói, dữ liệu và hình ảnh.

Các vấn đề viễn thông đặc thù (Hạ tầng và Dịch vụ)**a) Khung cơ chế để cải thiện Hạ tầng Viễn thông**

Các nhà hoạch định chính sách cần thúc đẩy tăng trưởng bằng các văn bản hướng dẫn thực thi khuyến khích đầu tư, triển khai và sử dụng băng rộng. Đầu tư của tư nhân vào lĩnh vực băng rộng là một nhân tố thiết yếu trong tăng trưởng kinh tế và đổi mới. Ngoài ra, phương thức công – tư kết hợp cũng có thể sử dụng để kích thích phát triển công nghiệp và sự tham gia của xã hội nhằm đưa các dịch vụ băng rộng đến những vùng miền trong nước mà tư nhân khó có điều kiện đầu tư hạ tầng. Nhiều quốc gia trên thế giới đang khuyến khích cải thiện cơ sở hạ tầng viễn thông của nước mình nhằm nâng

cao năng lực của nền kinh tế trong cung ứng các sản phẩm, dịch vụ giá trị gia tăng cao ra thị trường toàn cầu. Các biện pháp này bao gồm các giải pháp sợi quang, hữu tuyến và vô tuyến nhằm đáp ứng nhu cầu kết nối băng rộng với dung lượng trên 10 Mbps một đầu người.

Ngoài ra còn phải kể đến các chương trình công tư kết hợp triển khai WiMax, Sợi quang đến Điểm mạng (FTTN) và Sợi quang đến tận nhà (FTTH) ở Australia, sáng kiến triển khai Wi-Fi, WiMax và Sợi quang toàn lãnh thổ của Cục Phát triển TT-VT Singapore.

Các nước khác như Thái Lan và Malaysia cũng đang cân nhắc các giải pháp tương tự và nhu cầu đầu tư của nhà nước. Chúng tôi đề xuất Việt Nam xem xét các chính sách khuyến khích đầu tư tư nhân, công tư kết hợp cũng như các mô hình triển khai băng rộng khác nhằm phát triển mạng lưới băng rộng vững mạnh. Khi đã có một thị trường băng rộng mang tính cạnh tranh thì sẽ thúc đẩy đầu tư và đổi mới.

b) Văn bản quy phạm pháp luật

Thực tiễn ngành đòi hỏi Chính phủ tiếp tục khuyến khích doanh nghiệp cả trong và ngoài nước tham gia vào quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có ảnh hưởng đến ngành CNTT&VT, trong đó có một phần quan trọng của dự thảo Luật Viễn thông đang hoàn thiện.

Ngành viễn thông khẳng định lại quan điểm nêu trong diễn đàn Đối thoại CNTT&VT Việt – Mỹ tại thủ đô Washington tháng 11, 2008 và đặc biệt khẩn thiết đề nghị Chính phủ Việt Nam đưa vào Luật Viễn thông các điều khoản sau nhằm bảo đảm duy trì một thị trường dịch vụ viễn thông mở cửa:

- Điều khoản cho phép các nhà khai thác viễn thông được mua hay bán lại giấy phép viễn thông cho các công ty khác;
- Các chính sách rõ ràng về dịch vụ trên cơ sở các nguồn lực về viễn thông nhằm mục đích cấp phép;
- Sửa đổi tỉ lệ góp vốn nhà nước trong các công ty viễn thông;
- Áp dụng các quy chế quốc tế trong cấp phép sử dụng tần số, số điện thoại, tên miền và giấy phép địa chỉ internet.

Như đã nêu trên, Chính phủ cũng cần đưa vào Luật Viễn thông quy định xoá bỏ hạn chế về mức vốn sở hữu của phía nước ngoài theo cam kết WTO của Việt Nam, hiện đang kìm hãm đầu tư nước ngoài trong ngành viễn thông.

Chúng tôi cũng hoan nghênh việc Chính phủ mới đây đã ban hành một Nghị định được chờ đợi từ lâu về đầu tư vào viễn thông, tức Nghị định Số 121/2008/ND-CP về Các hoạt động đầu tư vào ngành Bưu chính Viễn thông, ngày 03/12/2008 (gọi tắt là “Nghị định về Đầu tư vào Viễn thông”).

Tuy nhiên, chúng tôi xin được lưu ý rằng Nghị định về Đầu tư vào Viễn thông vẫn tồn tại một số bất cập lớn, mâu thuẫn với các cam kết WTO của Việt Nam mà Luật Viễn thông cần khắc phục.

Ví dụ:

- 1) Yêu cầu nhà đầu tư trong nước vào dự án hạ tầng mạng phải là Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN), hay một doanh nghiệp trong đó Nhà nước có phần vốn góp chi phối (nếu có nhiều hơn một nhà đầu tư trong nước thì ít nhất một doanh nghiệp phải là DNNN hay nhà nước có mức cổ phần kiểm soát và nhà đầu tư đó phải góp vốn ít

nhất 51%).

Quy định này có một số hạn chế như sau:

- Có thể dẫn đến Vi phạm Điều XVI Hiệp định GATS, trong đó đòi hỏi các quy định hạn chế về hình thức đầu tư phải được đưa vào Lịch trình cam kết quốc gia. Quy định hạn chế trên khó có thể coi là hạn chế về hình thức đầu tư (ngay cả nếu các công ty trong nước cũng bị điều chỉnh bởi những điều kiện tương tự) vì Việt Nam không đưa yêu cầu này vào Lịch trình của mình. Mặc dù đây có thể không phải là vi phạm hiệp định quốc gia vì công ty trong nước có thể bị điều chỉnh bởi những quy chế tương tự nhưng sẽ vẫn là vi phạm Điều XVI Hiệp định GATS do Việt Nam không đưa yêu cầu này vào Lịch trình của mình.
 - Tuy Lịch trình cam kết WTO của Việt Nam yêu cầu phải lập liên doanh với một đối tác Việt Nam có giấy phép hợp lệ để triển khai “dịch vụ dựa trên hạ tầng mạng có sẵn”, nhưng lại nêu rõ đối tác Việt Nam có giấy phép hợp lệ này phải là một DNNN.
 - Dù sao nếu xét về tình hình thực tế của thị trường hiện nay thì cũng chỉ có DNNN là loại hình đối tác duy nhất.
 - Báo cáo của Nhóm Chuyên trách WTO Việt Nam, tuy không chỉ đích danh ngành viễn thông, nhưng có nói rõ rằng các đối tác nước ngoài được tự do hợp tác với bất kỳ công ty Việt Nam nào: “để trả lời câu hỏi của các nước Thành viên, đại diện của Việt Nam khẳng định các nhà cung ứng dịch vụ nước ngoài được tự do chọn đối tác trừ khi có quy định khác trong Lịch trình Cam kết Cụ thể của Việt Nam. Người đại diện này cũng khẳng định rằng nhà đầu tư nước ngoài không bắt buộc phải lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.” (Báo cáo WTO của Việt Nam, khoản 475).
 - Quy định này cho thấy Chính phủ Việt Nam đang vận dụng chiến thuật của Trung Quốc là hạn chế trước loại hình các đối tác tiềm năng, chủ yếu trong phạm vi các DNNN.
- 2) Quy định về mức vốn pháp định tối thiểu trong dự án đầu tư thiết lập cơ sở hạ tầng mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố (160 tỉ Đồng) và trên toàn quốc (1.600 tỉ Đồng)
- Việt Nam có lẽ đã ‘mượn’ quy định về mức vốn này cụ thể là khoảng 80 triệu/8 triệu Đô-la từ Trung Quốc. Đại diện Thương mại Hoa Kỳ cũng đã tư vấn cho Trung Quốc rằng mức vốn quy định nếu trên 5 triệu Đô-la đã là không hợp lý, trong khi Trung Quốc là một thị trường lớn hơn Việt Nam nhiều lần và lời khuyên ở đây cũng vậy.

c) **Mức độ Ổn định của hệ thống mạng/Chất lượng Dịch vụ**

Ổn định mạng/Chất lượng Dịch vụ là một trong những yếu tố quan trọng nhất đối với một công ty khi chọn địa điểm lập cơ sở kinh doanh mới. Cứ mỗi giờ hệ thống mạng vận hành không theo thiết kế là mỗi giờ công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp do giảm năng suất. Bộ TTTT cần có biện pháp bảo đảm cải thiện sự ổn định của hệ thống mạng và chất lượng dịch vụ trên toàn quốc, không chỉ ở các khu vực đô thị đông dân cư có nhiều đơn vị kinh doanh mà cả ở các vùng nông thôn nơi thường có các cơ sở sản xuất, phân phối. Để cải thiện độ ổn định và tăng cường chất lượng, Bộ TTTT cần áp dụng một quy trình giám sát thường xuyên, thống nhất về chất lượng mạng lưới, qua đó công bố kết quả giám sát, có so sánh với tiêu chuẩn ở nơi khác, để người tiêu dùng có được thông tin để lựa chọn giữa các nhà cung ứng khác nhau, nhờ đó mà thúc đẩy cạnh tranh.

d) Sản phẩm và Tiêu chuẩn phù hợp với quốc tế

Tiêu chuẩn mạng và sự sẵn sàng của các dịch vụ viễn thông phù hợp là yếu tố quan trọng để hỗ trợ các khách hàng doanh nghiệp toàn cầu. Để khuyến khích phát triển hơn nữa thị trường này ở Việt Nam, các nhà khai thác viễn thông cần áp dụng các tiêu chuẩn của thế giới về thiết kế mạng và giao thức (như tiêu chuẩn của Liên đoàn Viễn thông Quốc tế) và Bộ TTTT nên cho phép càng nhiều loại hình dịch vụ càng tốt để sử dụng ở nước ngoài (ví dụ việc sử dụng VoIP trên các mạng dữ liệu và thoại có giao thức IP tích hợp). Một khi Bộ TTTT khuyến khích phát triển các nền tảng mạng đạt chuẩn quốc tế và tận dụng các công nghệ Giao thức Internet thế hệ mới thì có thể bảo đảm cho các nhà khai thác Việt Nam vừa có thể cạnh tranh vừa tương thích với các chuẩn quốc tế mà khách hàng doanh nghiệp đòi hỏi.

Mã hoá: Đối với các khách hàng doanh nghiệp phụ thuộc vào công nghệ thông tin, mức độ an ninh mạng chống lại các hành vi tấn công ác ý hay do thám bất hợp pháp là một mối quan tâm lớn. Một trong những công cụ quan trọng nhất để tăng cường an ninh là sử dụng các thuật toán mã hoá mạnh. Trong giai đoạn Bộ TTTT hiện đang triển khai Luật An ninh Dữ liệu và Giao dịch Điện tử, chúng tôi đề xuất Bộ xem xét cho phép các khách hàng doanh nghiệp được quyền sử dụng các phương thức mã hoá mạnh để bảo vệ các giao dịch hợp pháp của mình.

Hợp tác giữa các Nhà khai thác liên thông: Việc thiếu sự hợp tác giữa các nhà khai thác viễn thông Việt Nam dẫn đến dịch vụ khách hàng bị đình trệ. Chẳng hạn một trạm tổng đài yêu cầu truy cập một số liên lạc quốc tế miễn phí luôn gặp phải vấn đề đường truyền không kết nối liên thông với số miễn phí cần kết nối nếu cuộc gọi xuất phát từ một mạng không có số miễn phí đó (mà lại do một công ty cạnh tranh cung cấp).

Thời gian lắp đặt Mạng nhánh mới: Nhà khai thác viễn thông phải đưa ra thời gian lắp đặt mạng nhánh mới một cách nhanh chóng và đáng tin cậy. Nếu một mạng nhánh mất quá nhiều thời gian lắp đặt hoặc không kịp lắp đặt vào ngày đã hẹn thì khách hàng sẽ chịu thiệt do chậm tiến độ hay phí thuê nhân công.

Chăm sóc Khách hàng: Khi cung ứng dịch vụ đến khách hàng doanh nghiệp, các nhà cung ứng dịch vụ viễn thông cần có chế độ chăm sóc khách hàng 24x7, có nhân viên thành thạo để phân tích và xử lý bất kỳ trục trặc hay ngừng trệ dịch vụ nào. Đối với khách hàng doanh nghiệp, mỗi giờ kết nối mạng không hoạt động đồng nghĩa với thiệt hại hàng tỉ Đồng do sản xuất đình trệ hay tổn thất thu nhập. Bộ TTTT cần tìm kiếm các cơ hội để các nhà khai thác Việt Nam hợp tác với nhà khai thác quốc tế có kinh nghiệm trong dịch vụ khách hàng đối với các khách hàng doanh nghiệp quốc tế, qua đó bổ sung kinh nghiệm cho đội ngũ chăm sóc khách hàng tại các trung tâm hỗ trợ 24x7 đối với khách hàng doanh nghiệp.

Kết nối với các Trạm Cáp biển trên đất liền: Các nước đang và mới phát triển đều nhận thức rõ tầm quan trọng của việc kết nối với băng thông quốc tế tốc độ cao, chi phí thấp trong thúc đẩy phát triển công nghệ thông tin, truyền thông và tăng trưởng kinh tế, giáo dục, xã hội và thậm chí cả an ninh quốc gia. Thiếu truy cập hợp lý với các trạm cáp biển trên đất liền và mạng trực sẽ dẫn đến chi phí băng thông quốc tế cao. Thực tiễn đòi hỏi Chính phủ phải có các biện pháp bảo đảm kết nối ở mức hợp lý với các trạm cáp biển trên đất liền và mạng trực.

Kịp thời công bố Giải tần Không dây Băng rộng, như WiMax và 3G: Khi có chính sách quốc gia về giải tần cho phép phân bổ hiệu quả các tần số vô tuyến, ngăn chặn can thiệp có hại đối với các dịch vụ được cấp phép và tạo ra sự đa dạng thị trường, đồng

thời vẫn duy trì được sự bình đẳng trong công nghệ thì sẽ thúc đẩy được phát triển và cạnh tranh. Các công nghệ không dây mới có tiềm năng đem đến những lợi ích to lớn cho người tiêu dùng và doanh nghiệp, cũng như những lợi ích xã hội trong nền kinh tế thị trường. Điều này càng đặc biệt đúng đối với các dịch vụ không dây tại các khu vực nông thôn, các vùng khó khăn so với các phương tiện thông tin khác. Công nghệ không dây đòi hỏi phải có các giải tần vô tuyến ở những băng tần phù hợp với các dịch vụ không dây mới.

Internet di động băng rộng mở có vai trò chiến lược đối với Việt Nam. Giữa kết nối băng rộng và tăng trưởng GDP có một mối liên hệ tỉ lệ thuận (xem báo cáo OECD). Các tài nguyên giải tần không dây băng rộng khan hiếm cần được tận dụng hiệu quả và sớm nhất để Việt Nam có thể nhanh chóng xây dựng cơ sở hạ tầng không dây băng rộng toàn quốc, thông qua:

- Áp dụng chính sách bình đẳng công nghệ về giải tần không dây băng rộng để các tác nhân thị trường tự quyết định phương thức triển khai mạng hiệu quả nhất.
- Áp dụng các biện pháp khuyến khích đơn vị được cấp phép sử dụng hiệu quả giải tần vô tuyến, làm cơ sở cho đầu tư khả thi vào hạ tầng và ngăn chặn tình trạng tích trữ giải tần.
- Rà soát lại các quy định/mức phí cấp phép hiện thời đối với kết nối không dây băng rộng đơn lẻ.
- Công bố trên báo và Internet kế hoạch cấp giải tần quốc gia để tăng cường nhận thức về phân bổ/sở hữu/khả dụng giải tần, khuyến khích việc sử dụng sáng tạo và hiệu quả nguồn tài nguyên khan hiếm này.

Hoàn thành việc cấp phép 3G: Mấy năm gần đây, Chính phủ đã tiến hành xây dựng hành lang pháp lý và chính sách cấp phép 3G cho băng tần 2,1GHz. Chúng tôi hoan nghênh việc Bộ TTTT ban hành bộ tài liệu đấu thầu 3G vào tháng 11, 2008 bảo đảm tính bình đẳng về công nghệ. Khi 3G được cấp phép sẽ cho phép các dịch vụ và ứng dụng mới được ra đời, đem lại lợi ích cho cả công dân Việt Nam và các nhà khai thác mạng di động. Chúng tôi khẩn thiết đề nghị Chính phủ khẩn trương hoàn tất quy trình cấp phép này để cho phép các hãng nước ngoài tham gia vào đấu thầu, thúc đẩy cạnh tranh và hạ giá thành các dịch vụ 3G cho người tiêu dùng (cả doanh nghiệp và cá nhân), bảo đảm công bằng và xem xét đầy đủ lợi ích của các nhà đầu tư lớn và nghiêm túc có cam kết với Việt Nam.

Các vấn đề liên quan đến Internet

Truy cập Internet: Tuy Internet ở Việt Nam tương đối ổn định nhưng chưa đạt được chất lượng dịch vụ cao. Việc có nhiều nhà cung cấp dịch vụ Internet cũng không khắc lấp được nhược điểm này. Mọi kết nối cuối cùng cũng đều phải quy về Tổng Công ty Truyền Số liệu, do đó DNNN này trên thực tế có quyền kiểm soát mạng Internet ở Việt Nam. Điều này không những dẫn đến bất cập cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà còn ảnh hưởng đến yêu cầu ứng phó hiệu quả trước tình huống khẩn cấp, chẳng hạn như thiên tai. Ví dụ, trong trận động đất năm 2007, đường truyền Internet từ Hồng Kông qua Việt Nam bị đứt, làm gián đoạn hầu như toàn bộ lưu thông Internet.

Chi phí truy cập Internet, nhất là đường truyền nội hạt cấp cho các công ty gia công và Tập đoàn Đa quốc gia, là rất cao, khiến chi phí thông tin liên lạc tăng mạnh. Thực tế này khiến Việt Nam trở thành một trong những nước đắt đỏ nhất trong khu vực về truy cập Internet. Điều này còn cản trở các công ty thuê gia công ở Việt Nam do gia công CNTT,

về bản chất, là một ngành cần nhiều băng thông.

Thương mại điện tử: Thương mại điện tử kích thích giáo dục, văn hoá, xã hội, kinh tế và việc sử dụng Internet của cả cá nhân và đơn vị. Do vậy Chính phủ cần khuyến khích và hỗ trợ việc mở rộng phạm vi sử dụng Internet trong tất cả các ngành. Điều này cũng đúng cho cả người tiêu dùng và doanh nghiệp. Lòng tin của người tiêu dùng vào Internet là yếu tố quan trọng đối với tăng trưởng trong trung hạn. Để cải thiện lòng tin này có nhiều cách, trong đó có bảo vệ người tiêu dùng trước các hành vi xâm nhập thông tin cá nhân và các hoạt động tội phạm thông thường. Tuy vậy, AmCham cho rằng đối với một phương tiện truyền thông mới, phổ biến toàn cầu và năng động như Internet thì việc điều tiết thông thường của chính phủ thường không phải là biện pháp hiệu quả để bảo vệ người tiêu dùng. Nói đúng hơn, người tiêu dùng sẽ được lợi từ việc thực thi nghiêm ngặt các quy định hiện hành kết hợp với tăng cường tuyên truyền các kinh nghiệm về Internet cho lực lượng thực thi pháp luật, giáo dục người tiêu dùng, các công cụ kỹ thuật và các kinh nghiệm chuyên ngành tối ưu.

Trong tình hình hiện nay, AmCham ủng hộ phương án tự quản lý riêng theo ngành về Internet, trong đó quy định đơn vị quản lý tên miền '.vn' cạnh tranh thay vì một cơ quan duy nhất như hiện nay. Vì vậy, AmCham phản đối bất kỳ luật, quy định hay mức thuế nào có sự phân biệt đối xử đối với thương mại điện tử, và/hoặc việc thiết lập các mạng lưới viễn thông và Internet, với các hình thức thương mại khác. Tuy nhiên, chúng tôi cũng ủng hộ các biện pháp lập pháp và pháp lý cho phép áp dụng cơ chế thông báo và dỡ bỏ nhằm ngăn ngừa vi phạm quyền SHTT trên Internet.

Bộ TTTT đã ban hành một Thông tư mới sửa đổi, bổ sung thông tư 92/2003 hướng dẫn việc quản lý và sử dụng Internet, cho phép mua bán và chuyển nhượng tên miền. Tuy nhiên, các hoạt động này không được thực hiện một cách tự do mà vẫn phải tuân thủ Thông tư về giải quyết tranh chấp đối với tên miền .vn. Dù vậy, chúng tôi vẫn đề nghị Luật Sở hữu Trí tuệ cho phép được mua bán tên miền .vn. Thương hiệu, nhãn hiệu, tên sản phẩm, bản quyền, tác phẩm về tên miền hiện không được bảo hộ nếu chỉ được đăng ký bảo hộ online và ngược lại. (*theo báo Nhịp cầu VietnamNet*)

An ninh mạng: Khả năng kết nối tạo ra và song hành với xã hội và nền kinh tế hiện đại. Do vậy, an ninh mạng là vấn đề cốt yếu đối với an ninh quốc gia và an ninh kinh tế. Do bản chất toàn cầu của mạng Internet và các mạng số liệu khác mà cả chính phủ (kể cả khu vực hành pháp) và tư nhân cần phải hợp tác với vai trò của mỗi bên để giải quyết các vấn đề về an ninh mạng. Để đạt hiệu quả về an ninh mạng đòi hỏi toàn xã hội phải được thông tin và giáo dục đầy đủ. Tuy vậy, cho dù một mạng số liệu do nhà nước hay tư nhân vận hành thì sẽ không một biện pháp an ninh mạng nào đạt được hiệu quả nếu không có một đội ngũ CNTT được đào tạo, có trình độ và cơ chế chứng nhận/cấp phép phù hợp đối với các công ty thực hiện cài đặt và duy trì các mạng lưới kết nối với cơ sở hạ tầng viễn thông công cộng.

Chính phủ cần có những bước đi thích hợp để bảo đảm an ninh cho các mạng riêng của mình đồng thời cần phối hợp với khu vực tư nhân nhằm tăng cường nhận thức về đào tạo và kiểm chứng thông qua kiểm tra, cũng như xây dựng các phương thức an ninh mạng tối ưu.

Kiến nghị của ngành

- Áp dụng Bảng kiểm Thỉnh vương Số APEC được thông qua (trong đó có Việt Nam) tại Hội nghị Bộ trưởng APEC ở Lima, tháng 11, 2008, đặc biệt chú ý 8 kiến nghị hành động về truyền thông.

- Cam kết bằng hành động cụ thể (thảo luận luật pháp “sâu hơn” nhằm chia sẻ quan điểm, trao đổi thông tin và cộng tác trong một số vấn đề chiến lược, pháp lý vì lợi ích chung, diễn thuyết tại hội thảo, có thể triển khai các dự án thí điểm ...).
- Xây dựng Chiến lược CNTT&VT Quốc gia Toàn diện (“Kế hoạch hành động”), bao gồm Viễn thông và trong quá trình xây dựng cần có các đối thoại nhà nước – tư nhân, góp phần dự thảo Kế hoạch hành động.
- Tránh áp đặt một mô hình kinh doanh hay tiêu chí đặc thù cho hệ thống CNTT của chính phủ (cả về Phần cứng và Phần mềm) vì một khi việc chính phủ áp đặt mô hình hay tiêu chí kinh doanh đặc thù đó thất bại thì sẽ khiến toàn bộ ngành CNTT&VT đất nước mất lợi thế cạnh tranh đáng kể và cản trở đổi mới.
- Thành lập “Nhóm vận động” tạo điều kiện cho đối thoại nhà nước – tư nhân với trọng tâm CNTT&VT (tương tự như “Hội đồng Tư vấn CNTT” ở Malaysia)
- Thiết lập cơ chế cấp phép thống nhất đối với mọi công nghệ mới, trên tinh thần minh bạch, bảo đảm tính công bằng trong quy trình và cho phép công ty và người tiêu dùng đóng góp ý kiến.
- Tiến hành đối thoại thường xuyên giữa Bộ TTTT và các Bộ ngành khác như Bộ Thương mại, Tài chính, cho phép các công ty nước ngoài và người đại diện được trình bày ý kiến và chất vấn bằng văn bản để thảo luận về các vấn đề chính.
- Phát động mạnh mẽ chiến dịch trung cầu ý kiến đối với mọi đối tượng liên quan về các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành hay dự thảo thông qua một cơ quan của chính phủ tương tự như ở Singapore (Hội đồng Cố vấn về Tác động của các Phương tiện truyền thông mới đối với Xã hội do Bộ Thông tin và Nghệ thuật Singapore thành lập). Thời gian 3 tháng là đủ để tất cả các bên liên quan đóng góp ý kiến.
- Chính phủ cần chú ý hơn đến 7 dự án ưu tiên quốc gia mới xây dựng nhưng chưa có hoạt động nào được thực hiện cho đến nay (tập trung hơn vào các dự án này nhằm hỗ trợ phát triển CNTT&VT cho đất nước).
- Sử dụng cú pháp phủ định trong toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật để định nghĩa các dịch vụ được phép bảo đảm cho các định nghĩa đó được rõ ràng và dễ hiểu cho mọi đối tượng (chẳng hạn “bất kỳ dịch vụ nào ngoài các dịch vụ truy cập mạng và truyền tải cơ bản đều được coi là “dịch vụ giá trị gia tăng”).
- Cần quy định cho phép mở rộng đáng kể các loại hình dịch vụ giá trị gia tăng nhằm huy động sự tham gia của nước ngoài và tư nhân (các dịch vụ Giao thức Internet quốc tế - Mạng Riêng Ảo cần được cho phép và mức góp vốn của bên nước ngoài trong công ty đầu tư nước ngoài cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng cần được nâng lên 100%, như hầu hết các nước đã làm). Phân biệt giữa các dịch vụ giá trị gia tăng nhạy cảm và không nhạy cảm và xác định các cơ chế kiểm soát phù hợp cho mỗi loại.
- Sớm công bố giải tần 3G.
- Xây dựng chính sách phân bổ giải tần 3G và tiếp cận thị trường theo hướng bình đẳng và công bằng về công nghệ đối với mọi thành phần tham gia thị trường nhằm

thúc đẩy cạnh tranh và đổi mới dịch vụ.

- Tạo động lực đổi mới lành mạnh cho phép thị trường tự quyết định kết quả từ các vấn đề về hợp chuẩn (công nhận cơ chế trong đó nhiều công ty và tổ chức đã cộng tác để thiết lập các chuẩn mực đối với mọi loại hình sản phẩm CNTT&VT và đã thành công ở nhiều thị trường, kể cả các nước đang phát triển, trong khi can thiệp hành chính về tiêu chuẩn cản trở các nhân tố cả trong nước và ngoài nước xây dựng nên những tiêu chuẩn tối ưu cho thị trường CNTT&VT).
- Áp dụng chính sách thiết đặt chuẩn với các nội dung sau: ưu tiên việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế hỗ trợ ngành bất cứ khi nào có thể; bảo đảm tính minh bạch, không phân biệt đối xử và thông thoáng trong xây dựng bất kỳ tiêu chuẩn CNTT mới nào (cụ thể là tổ chức lấy ý kiến công chúng để mọi bên liên quan, kể cả trong và ngoài nước, đóng góp ý kiến xây dựng).
- Tránh mọi cách thức tham chiếu đến khái niệm “sản phẩm hay dịch vụ sáng tạo trong nước hay bản địa” trong các yêu cầu mua sắm thiết bị, dịch vụ Viễn thông và mở cửa các hợp đồng của chính phủ đối với cả các công ty trong và ngoài nước.

Đề xuất của ngành về bản “Kế hoạch hành động”

Khu vực tư nhân mong muốn được đóng góp và hỗ trợ thông qua:

1. Chia sẻ với Chính phủ các thông tin/kiến nghị về ưu tiên chính sách giúp cải thiện kết nối tốc độ cao (như băng rộng, không dây băng rộng), nhờ đó giảm sự phân cách trong lĩnh vực số hoá.
2. Hỗ trợ hoạt động xây dựng kế hoạch hành động như Lộ trình Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC), Kế hoạch Hành động Viêng-chăn 2004 -2010, e-ASEAN, thông tin về chính sách, quy chế về mạng thế hệ mới (NGN), Ipv6, không dây băng rộng, ứng dụng công nghệ mới.
3. Chia sẻ với Chính phủ các thông tin công nghệ cung cấp cơ sở hạ tầng/nền tảng cho dịch vụ Viễn thông.
4. Hỗ trợ xây dựng chương trình đào tạo cho các Học viện Kỹ thuật nhằm cung cấp đủ lực lượng lao động hỗ trợ cho ngành Viễn thông.
5. Các thuyết trình và văn bản đề xuất chia sẻ quan điểm về hướng “kết nối” của Việt Nam.
6. Chia sẻ thông tin và đóng góp xây dựng về hài hoà hoá giải tần và công tác quản lý tần số, đặc biệt trên phương diện khả dụng/chuẩn hoá công nghệ, cứu trợ thảm hoạ, băng rộng, 3G, WiMax và truyền phát công nghệ số.
7. Xây dựng các dẫn chứng về phương thức sử dụng công nghệ không dây trong thu hẹp khoảng cách công nghệ số ở Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực giáo dục/kết nối, y học từ xa, chính phủ điện tử, kỹ năng kinh doanh, thương mại điện tử, đào tạo từ xa, an ninh mạng, môi trường ...
8. Chia sẻ thông tin về tích hợp số (truyền phát/truyền thông/TV di động/IPTV), công nghệ mới, kinh nghiệm tối ưu quốc tế về quy chế viễn thông.
9. Hỗ trợ hoạt động điều tra và hội thảo (như IPTV/TV di động/truyền phát số/chính sách viễn thông, hệ thống cấp phép, chương trình Dịch vụ Phổ cập Bất buộc, các vấn đề về thương mại, IPv6, số di động linh hoạt ...)
10. Chia sẻ thông tin về các chương trình Viễn thông trong khu vực với một cơ quan phát triển bền vững, đặc biệt trong điều kiện phối hợp liên ngành về chính sách như trong CNTT ngày nay đã rất phổ biến.
11. Hỗ trợ các chương trình nâng cao năng lực nhằm cải thiện trình độ tin học và kỹ năng CNTT&VT chuyên nghiệp theo các tiêu chuẩn quốc tế thông qua chia sẻ kiến thức chuyên môn và hỗ trợ về Viễn thông.